

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2023
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng;
2. Ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:*** Bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2022/TLST-
HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HN ngày
01/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày
17/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1999; nơi cư trú: T2, khóm X,
thị trấn T, huyện T, tỉnh A;

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1998; nơi cư trú: T4, ấp A, xã A,
huyện T, tỉnh A;

Nguyên đơn bà Trần Thị Yến N có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn
Quốc K vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ
án, nguyên đơn bà Trần Thị Yến N trình bày:***

Bà Trần Thị Yến N và ông Nguyễn Quốc K tự tìm hiểu, chung sống với
nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến cuối
năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi

vã về kinh tế, ông K không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình, la mắng và có hành vi bạo lực đối với bà N. Đến tháng 4 năm 2021 ông K đi làm thành phố, bà N về nhà cha ruột sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà N yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà Trần Thị Yến N và ông Nguyễn Quốc K có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 24/10/2020. Bà N yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Trần Khánh V. Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Yến N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Bị đơn ông Nguyễn Quốc K đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà N và ông K có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 4 năm 2021 đến nay, nhưng cả hai không tạo cho nhau điều kiện để đoàn tụ gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị Yến N và ông Nguyễn Quốc K có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 24/10/2020. Bà N yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Trần Khánh V. Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn và yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị Yến N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Quốc K; bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ 4, ấp An Biên, xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Quốc K vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 25/9/2020 theo Bản trích lục kết hôn số 184/TLKH-BS ngày 25/09/2020 của Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế, ông K có hành vi bạo lực đối với bà N. Đến tháng 4 năm 2021 ông K đi làm thành phố, bà N về nhà cha ruột sinh sống cho đến nay. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Trần Thị Yến N và ông Nguyễn Quốc K có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 24/10/2020, hiện nay cháu Vy đang sinh sống cùng bà N. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng, do đó tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Yến N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Yến N;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Yến N được ly hôn ông Nguyễn Quốc K.

[2] Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 24/10/2020 cho bà Trần Thị Yến N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quốc K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Yến N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Quốc K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Yến N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0008798 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Trần Thị Yến N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Quốc K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 25/9/2020 theo Bản trích lục kết hôn số 184/TLKH-BS ngày 25/09/2020 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tỉnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã, thị trấn (nơi ĐKKH);
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ